



HUYỆN KIM ĐỘNG

208 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THỊ TRẦN LƯƠNG BẰNG



Mẹ VŨ THỊ THƯỜNG



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1989
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hưng: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 6-1966; hy sinh ngày 9-9-1972, tại Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công PE 970^c ngày 22-7-1975.

Mẹ PHÙNG THỊ VỆ



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1970
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN, ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Mật: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 5-3-1950; hy sinh ngày 7-4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 2180 ngày 1-2-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ HUYỀN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Quảng Châu, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Văn Dương: Sinh năm 1926; nhập ngũ 1950; đơn vị tại ngũ Trung đoàn E 42; hy sinh ngày 02-4-1952, tại Bằng Ngang, Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công XQ016^b ngày 2-1-1960.
2. Liệt sĩ Bùi Thế Kiệt: Sinh năm 1949; nhập ngũ 1965; hy sinh 01-02-1968, tại Chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công BH 929^b ngày 7-3-1972.



Mẹ ĐOÀN THỊ SƯỜNG



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1979
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Be: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 02-11-1947, tại Văn Lâm - Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 1048^b ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Thu: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 3-4-1954, tại Mặt trận Điện Biên; Bằng Tổ quốc ghi công XT 976^b ngày 02-01-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHÈO



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2014
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Tiến Cẩm: Sinh năm 1947; nhập ngũ 1966; hy sinh ngày 16-2-1968; Bằng Tổ quốc ghi công RL576^b ngày 9-7-1976
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thôn: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 4-1970, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 7-6-1972, tại Chiến trường KB; Bằng Tổ quốc ghi công LK 920^b ngày 9-7-1974.

Mẹ ĐẶNG THỊ QUÝT



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1985
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Mạch: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 3-1960; hy sinh ngày 3-7-1969, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công AK 577^b ngày 2-4-1974.
2. Liệt sĩ Trần Quang Hồng: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 2-1961; đơn vị tại ngũ Đại đội 400KN; hy sinh ngày 2-8-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công QE 301^b ngày 24-12-1975.



Mẹ NGUYỄN THỊ VŨ



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1948
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Đức Thông: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 27-7-1947; hy sinh ngày 29-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công ZC 346^b ngày 23-4-1957.
2. Liệt sĩ Phạm Thế Vinh: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 7-1949; hy sinh ngày 7-4-1952, tại Mặt trận Nghệ An; Bằng Tổ quốc ghi công GG 331^b ngày 7-10-2003.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ CHÍNH NGHĨA

Mẹ LÊ THỊ VĂN



Năm sinh 1890; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 734 KT-CTN ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập Hạng Ba, Huân Chương Kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Quang Tiệp: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 20-5-1952 tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 211/CL ngày 11-5-1960.
2. Liệt sĩ Đỗ Quang Chinh: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 15-5-1952 tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 352/CL-171-TTg ngày 23-4-1957.

Mẹ ĐOÀN THỊ DU



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1936
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Khắc Đĩnh: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 01-2-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1670^b209 ngày 01-6-1969.
2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Oanh: Sinh năm 1942; hy sinh năm 1965.
3. Liệt sĩ Vũ Ngọc Lai: Sinh năm 1935; hy sinh ngày 01-10-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số 429 ngày 28-10-1975.

Mẹ LÊ THỊ KHẾ



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Ngô Văn Công: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1945; hy sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 165 ngày 10-7-1979.



Mẹ LÊ THỊ UẨN*



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Công Uẩn; Sinh năm 1937; hy sinh tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ PHẠM THỊ LÝ



Năm sinh: 1901; năm từ trần:
Quê quán: Xã Tiên Phong, huyện Lục Bình, tỉnh Hà Nam
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Bách: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1945, đơn vị tại ngũ Tự vệ Lò Đúc, Liên khu II; hy sinh ngày 16-01-1947 tại Việt Nam Học xá- Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐU 600^{KP} ngày 11-12-1998.

Mẹ VŨ THỊ THIỂN



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Thọ: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1949; hy sinh năm 1950 tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Lược; nhập ngũ năm 1951; hy sinh năm 1951 tại tỉnh Cao Bằng.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ TỜ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết số 522 KT-CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Tư: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1964; hy sinh ngày 11-12-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 135 ngày 3-10-1979.

Mẹ PHẠM THỊ ĐƯỢC



Năm sinh: 1930.
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2595/QĐ-CTN ngày 24-12-2005.
Chồng là liệt sĩ Trần Văn Lễ: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 01-9-1953, tại Hưng Yên.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trần Hồng Hà: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1967, đơn vị tại ngũ KT; hy sinh ngày 29-5-1972, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ TRẦN THỊ BÙI



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Khắc Tính: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 01-12-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 705^b ngày 11-4-1975.
2. Liệt sĩ Vũ Quang Tỉnh: Sinh năm 1952; nhập ngũ ngày 9-8-1970, đơn vị tại ngũ D20-F3-Quân khu 5, hy sinh ngày 22-1-1976 tại Đèo Hải Vân; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 804^b ngày 14-01-1977.



Mẹ NGÔ THỊ ĐỐC



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Đức Cường: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1968, đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 9-KB; hy sinh ngày 14-8-1969; Bằng Tổ quốc ghi công OS 382^{bm}.
2. Liệt sĩ Đặng Văn San: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 4-11-1966 tại Hà Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số OĐ 223^{bm}.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÀM



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Dương Quang Huy: Sinh năm 1935; Bằng Tổ quốc ghi công số ON 153^b ngày 19-12-1974.
2. Liệt sĩ Dương Văn Bằng: Sinh năm 1936; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 330^b ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI



Năm sinh 1891; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Đãi: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 23-8-1947, đơn vị tại ngũ Tiểu đội Hưng Yên; hy sinh ngày 22-2-1948 tại Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1676^b ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Bếu: Sinh năm 1936; nhập ngũ ngày 32-3-1950, đơn vị tại ngũ Giao thông Viên Xá- Xã Chính Nghĩa; hy sinh ngày 6-6-1954 tại Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 1413^c ngày 02-11-1959.



Mẹ HOÀNG THỊ KỂ



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Doãn Chế: Sinh năm 1915; nhập ngũ tháng 02-1946; hy sinh ngày 7-9-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1886^{bp}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Doãn Choái: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 12-02-1949, đơn vị tại ngũ C-Quang Trung; hy sinh ngày 21-4-1950 tại huyện Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1685^{bp}.

Mẹ HOÀNG THỊ KHẨM



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Ngô Xuân Đông: Sinh năm 1935; hy sinh ngày 26-6-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 605^p ngày 1-6-1976.
2. Liệt sĩ Ngô Văn Bồng: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 24-5-1972 tại mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 946^p ngày 14-7-1973.

NGUYỄN THỊ QUÝCH



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Thị Ngọc Bách: Sinh năm 1943; nhập ngũ ngày 9-2-1962, đơn vị tại ngũ Bộ Công an; hy sinh ngày 20-3-1968, tại tỉnh Hà Tây; Bằng Tổ quốc ghi công HE 439^{bm}.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Đàng: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 03-1968; hy sinh tháng 5-1970 tại mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 439-417/QĐ-TTg ngày 8-11-2006.



Mẹ VŨ THỊ KHIẾT



Năm sinh: 1928
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Đức Phương: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 4-8-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 978^b ngày 12-7-2013.
2. Liệt sĩ Đào Thế Hệ: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 5-1965, đơn vị tại ngũ BT 34-559; hy sinh ngày 27-4-1970 tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công ED 161^b.

Mẹ ĐOÀN THỊ THÊM



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1995
Quê quán: Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tạ Văn Phơ: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 23-9-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số VA 758^b ngày 13-4-1977.
2. Liệt sĩ Tạ Văn Phượng: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 20-4-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 572^b ngày 13-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ DOANH



Năm sinh: 1878; năm từ trần:
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Ngô Trọng Khang: Sinh năm 1914; hy sinh tháng 8-1946; Bằng Tổ quốc ghi công số GT 780^{bp}.
2. Liệt sĩ Ngô Văn Cẩm: Sinh năm 1921 hy sinh ngày 12-5-1948 tại Sơn La; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 964 ngày 1-2-1954^{bp}.



Mẹ NGUYỄN THỊ VÒI



Năm sinh: 1920; năm tử trần: 2011
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Bảy: Sinh năm 1954; hy sinh ngày 20-11-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UR 205^b ngày 6-4-1977.
2. Liệt sĩ Lê Ánh Rồng: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 02-6-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RE 067^b ngày 21-7-2010.

Mẹ TẠ THỊ LIÊU



Năm sinh: 1906; năm tử trần: 1977
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tạ Quang Phóng: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 4-4-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số NK 409^b ngày 9-7-1974.
2. Liệt sĩ Tạ Văn Tòng: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 20-2-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 252^b.

Mẹ HOÀNG THỊ THẠ



Năm sinh: 1912; năm tử trần: 1994
Quê quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Bá Lùng: Sinh năm 1946; hy sinh năm 1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 539^{qb}.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐỒNG THANH



Mẹ PHẠM THỊ HÂN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Đường, sinh 1944; nhập ngũ tháng 8-1964, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 25-12-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công VG 446^{bm}/CL.

Mẹ TRẦN THỊ NỤ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994
Con độc nhất là liệt sĩ Tạ Văn Sửu: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 08-1971, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 21-3-1975; Bằng Tổ quốc ghi công RI 505^{bm}/CL ngày 15-12-2010.

Mẹ LÊ THỊ NGĂN



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Năng: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 7-1966, đơn vị tại ngũ H2E228; hy sinh ngày 21-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công GB 274^b ngày 12-6-1973.





Mẹ LƯU THỊ HUẤN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1935
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-04-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Tạ Văn Ký: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 01-9-1948, đơn vị tại ngũ Khoái Châu; hy sinh ngày 15-9-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ1.090^{bT}/CL.

Mẹ TẠ THỊ MỆNH



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-04-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hồng Phương: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 04-1970, đơn vị tại ngũ C3- D4-6207; hy sinh ngày 15-8-1971.

Mẹ LƯƠNG THỊ THÌ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212/KT-CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Chãi: Sinh năm 1933; nhập ngũ năm 1968, đơn vị tại ngũ Q16; hy sinh ngày 25-12-1969, nơi hy sinh Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 556^b.



Mẹ PHẠM THỊ XIẾC (XIẾP)



Năm sinh:1925; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212/KT-CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Quang Dũng: Sinh năm 1948; nhập ngũ 1966, đơn vị tại ngũ Đại Đội 7; hy sinh ngày 08/12/1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công AV 810 ngày 01 tháng 12 năm 1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỖ



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1920
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ
1. Liệt sĩ Đào Văn Tấn: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 8-1972, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh tháng 04-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QI 524^{bm}/CL ngày 15-12-2010.
2. Liệt sĩ Đào Văn Tiến: Sinh năm 1951; nhập ngũ năm 1974, đơn vị tại ngũ C2 D17 KH5; hy sinh ngày 18-3-1975, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ TẠ THỊ THÂN



Năm sinh:1913; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014
Có 2 con là liệt sĩ
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn An: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1964; hy sinh ngày 23-03-1965, tại huyện Vĩnh Linh (tỉnh Quảng Trị); Bằng Tổ quốc ghi công số D 286^b ngày 12-5-1966.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghệ: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1963; hy sinh ngày 29-11-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GP 296^b ngày 12-6-1973.



Mẹ NGUYỄN THỊ ĐIỀM



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06/9/2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Quang Chư: Sinh năm 1920, đơn vị tại ngũ cán bộ Huyện ủy Kim Động; hy sinh ngày 19-12-1951, tại Văn Giang, Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công số AC 624^c.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Chi: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 5-1965, đơn vị tại ngũ H1,D1,KT; hy sinh ngày 29-9-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công A R 865^b ngày 6-7-1971.

Mẹ NGÔ THỊ LƯ



Năm sinh: 1928; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/KT-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Duy Hiễn: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 09-1965, đơn vị tại ngũ D2; hy sinh ngày 23-10-1967, tại Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công EM 086^{BM/CL}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Hiệu: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 7-1969, đơn vị tại ngũ C8D5E9KB; hy sinh ngày 15-12-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công RL 651^{bm/CL}.

Mẹ PHẠM THỊ VĨNH



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/KT-CTN ngày 06-09-2014.
Có 2 con là liệt sĩ
1. Liệt sĩ Đào Văn Vẽ: Sinh năm 1943; nhập ngũ 1962, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh 06-02-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 940^b ngày 11-8-1976.
2. Liệt sĩ Đào Xuân Ngọ: Sinh năm 1956; nhập ngũ tháng 12-1972; hy sinh năm 1978, tại Cao Bằng; Bằng Tổ quốc ghi công 9G 828^b ngày 19-12-1979.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐỨC HỢP



Mẹ HOÀNG THỊ KIỂNG



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1935
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lưu Văn Hữu: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 03-1947, đơn vị tại ngũ CS C308; hy sinh ngày 13/12/1951; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 1134^b ngày 01-6-1959.

2. Liệt sĩ Lưu Đức Tấn: Sinh năm 1923; nhập ngũ ngày 06-5-1950, đơn vị tại ngũ D42S2320; hy sinh ngày 21-01-1953; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 1162^b ngày 01-06-1959.

Mẹ VŨ THỊ DẦN



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định Quyết định 394 KT/CTN, ngày 17-12-1994.

Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đình Chỉ: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1966, đơn vị tại ngũ C246; hy sinh 27-01-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số O 2081^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ LÀ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định Quyết định 394 KT/CTN, ngày 17-12-1994.

Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Đam: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1966, đơn vị tại ngũ C840KB; hy sinh 25-02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số PĐ 494b.



Mẹ BÙI THỊ CHUỐT



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Xuân Hân: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 5-1965, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 03-10-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 449^b ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Bùi Văn Cảnh: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 9-1966, đơn vị tại ngũ QK5; hy sinh ngày 18-9-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Uq-861 ngày 01-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ HỒI



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Bầy: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 7-1969, đơn vị tại ngũ C4KB; hy sinh ngày 10-2-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 916^b ngày 16-5-1974.
2. Liệt sĩ Trần Huy Chương: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 6-1968, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 01-02-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 666^b ngày 27-11-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẦN



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Bá Tuy: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 19-9-1950, đơn vị tại ngũ ĐĐ 27H hy sinh ngày 15-8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1180^{bp}.
2. Liệt sĩ Lê Văn Sáu: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 9-1965, đơn vị tại ngũ E225; hy sinh ngày 23-11-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số DM 029^{bm}.



Mẹ NGUYỄN THỊ MỸ



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Xuân Định: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1965, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 18-11-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 179^b.
2. Liệt sĩ Vũ Đình Liễu: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 8-1968, đơn vị tại ngũ E42 Đ559; hy sinh ngày 19-8-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số Gm 011^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGOAN



Năm sinh: 1926
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định 751/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014 .
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Nhạc: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 7-1966, đơn vị tại ngũ E204 FZKB; hy sinh ngày 07-6-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số RH 920^b.
2. Liệt sĩ Trần Văn Nho: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1972; hy sinh ngày 27-4-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số Ry 949^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỊCH



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Mai: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1960, đơn vị tại ngũ Đ551; hy sinh ngày 8-2-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số Đm 023^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Tuyên: Sinh năm 1932; nhập ngũ ngày 20-9-1950, đơn vị tại ngũ ĐĐ28; hy sinh ngày 15-8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1938^b.



Mẹ VŨ THỊ LIÊN



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Bái: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1967, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 18-3-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 423^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hồng Chín: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 4-1972, đơn vị tại ngũ C8KHG; hy sinh ngày 16-01-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ND 948^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ LIÊN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Đình Kiên: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 8-1968, đơn vị tại ngũ MT; hy sinh ngày 19-8-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số Bh 928^{bm}.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Liêm: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 4-1972, đơn vị tại ngũ E33KB hy sinh ngày 17-3-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số RN 165^b.

Mẹ ĐỖ THỊ TÝ



Năm sinh: 1923
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định 751/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Chuyển: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 8-1971, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 20-10-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 088b.
2. Liệt sĩ Lê Văn Vân: Sinh năm 1949; hy sinh tháng 7-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 347^{bt}.



Mẹ TRẦN THỊ THƯỜNG



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Đăng Môn: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 4-1972, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 01-4-1974 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PH- 562^b ngày 22-7-1975.
2. Liệt sĩ Bùi Văn Môn: Sinh năm 20-4-1959; nhập ngũ ngày 10-6-1978, đơn vị tại ngũ C8D2E24b-F346-QĐ26; hy sinh ngày 24-3-1979 tại huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 954^{bt} ngày 03-12-1986.

Mẹ BÙI THỊ MÙI



Năm sinh: 1926; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10/2/2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Mạc: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 2-1967, đơn vị tại ngũ DqKB; hy sinh ngày 11-5-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 466^{bm} ngày 21-2-1976.
2. Liệt sĩ Đỗ Tuấn Vàng: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 7-1974, đơn vị tại ngũ C68 D476 QK; hy sinh ngày 20-10-1976 tại Mặt trận Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 1Z 487^{bt} ngày 10-10-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ SỬU



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10/2/2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Hồng Chiến: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 2-1960, đơn vị tại ngũ BTL 559; hy sinh ngày 3-2-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 646^b.
2. Liệt sĩ Lê Tiến Lợi: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 2-1979; hy sinh ngày 19-11-1992; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐS 949^{bt}.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HIỆP CƯỜNG

Mẹ TRẦN THỊ NHA



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Xuân Sinh: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1966, đơn vị tại ngũ D22KB; hy sinh 14-05-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số QZ 081^b.

Mẹ DƯƠNG THỊ ĐỒNG



Năm sinh 1919; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đức Đắc: Sinh năm 1950; hy sinh tháng 09-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 71^b.

Mẹ PHẠM THỊ TỌ



Năm sinh 1910; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Xuân Báu: Sinh năm 1945; hy sinh tháng 9-1968 tại B2; Bằng Tổ quốc ghi công số DP ngày 226^b.
2. Liệt sĩ Vũ Đức Việt: Sinh năm 1947; hy sinh tháng 01-1968 tại B2; Bằng Tổ quốc ghi công số FL 480^b.



Mẹ DƯƠNG THỊ NHỎI



Năm sinh 1917; năm từ trần: 1948
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Soạn: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 28-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số CB 636^b.

Mẹ VŨ THỊ KHEN



Năm sinh 1946; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Hưởng: Sinh năm 1949; hy sinh tháng 10-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DL 481^b.

Mẹ QUÁCH THỊ THÊM



Năm sinh 1924; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Quách Văn Hợp: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 16-6-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 836^{bm}/CL .



Mẹ QUÁCH THỊ BẢN



Năm sinh 1889; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Dương Văn Âm: Sinh năm 1922; hy sinh năm 1947 tại tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1234^b
2. Liệt sĩ Dương Thiều: Sinh năm 1926; hy sinh năm 1971 tại đường mòn Hồ Chí Minh.

Mẹ VŨ THỊ HẠNH



Năm sinh 1908; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Ngọc Huệ: Sinh năm 1946; hy sinh tháng 8-1972 tại B2; Bằng Tổ quốc ghi công số OI 040^b.
2. Liệt sĩ Phạm Ngọc Diệp: Sinh năm 1944; hy sinh ngày 8-1968, tại Mặt trận phía Nam, Bằng Tổ quốc ghi công số EL 441^b.

Mẹ ĐÀO THỊ MỸ



Năm sinh 1899; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Bích Ngọc: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 01-1953; Bằng Tổ quốc ghi công HM 876^{bt}.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Thước: Sinh năm 1942; hy sinh tháng 12-1967 tại Hà Tĩnh; Bằng Tổ quốc ghi công số GU 804^{cm}.



Mẹ NGUYỄN THỊ SEN



Năm sinh 1911; năm tử trần: 1975
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Dương Văn Mậu: Sinh năm 1933; hy sinh tháng 9-1969, tại Bình Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số OZ 158^{bm}.
2. Liệt sĩ Dương Văn Mở: Sinh năm 1950; hy sinh tháng 8-1969 tại Đà Nẵng; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 587^{bm}.

Mẹ PHẠM THỊ SẮT



Năm sinh: 1926
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trịnh Văn Hoa: Sinh năm 1951; hy sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 574^{bm}/CL.
2. Liệt sĩ Trịnh Văn Hay: Sinh năm 1953; hy sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 574^b.

Mẹ QUÁCH THỊ VUI



Năm sinh: 1913; năm tử trần: 2015
Quê quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Ngọc Lịch: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 17-1-1952 tại Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 371kp.
2. Liệt sĩ Bùi Văn Quang: Sinh năm 1940; hy sinh năm 2-2-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LG 677^b.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HÙNG AN

Mẹ AN THỊ HƯƠNG



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17-12-1992.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng văn Ổi: Sinh năm 1951; hy sinh năm 1972; Bằng Tổ quốc ghi công số KPN 008^p ngày 27-01-1973.

Mẹ PHẠM THỊ CHIU



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KT-CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Quang Sáng: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 11-1972; hy sinh ngày 24-10-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số DK-999^p ngày 04-9-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHU



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 438 KT/CTN ngày 24-4-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lương Đình Chi: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1965; hy sinh tháng 2-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 496^b ngày 18-5-1974.



Mẹ PHẠM THỊ DỸ



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Bảo: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 6-1950; hy sinh ngày 19-12-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2136^{bp}/CL ngày 01-11-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ HOÀN



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Đình Nhĩ: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1952; hy sinh tháng 3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1700^{bp} ngày 01-6-1959.

Mẹ LÊ THỊ HOẢNG (HOANG)



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KT/CTN ngày 27-8-1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Lưu: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1969; hy sinh tháng 02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số NY 935^p ngày 02-12-1974.
2. Liệt sĩ Phạm Thanh Sơn: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1969; hy sinh tháng 11-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số CN-869^p ngày 02-8-1972.



Mẹ PHẠM THỊ LẬP



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Mục: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1946; hy sinh tháng 6-1949, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2154^b ngày 12-4-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ TẠO



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522KT-CTN ngày 27-8-1995.
Có 3 là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Đình Nguyên: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1949; hy sinh năm 1953, Bằng Tổ quốc ghi công MC 237^b ngày 14-11-1979.
2. Liệt sĩ Đỗ Đình Thêm: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1966; hy sinh tháng 8-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số VL018^{bm}/CL ngày 20-9-1979.
3. Liệt sĩ Đỗ Đình Thuận: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 6-1968; hy sinh tháng 4-1991; Bằng Tổ quốc ghi công số CX992^{bt}/CL ngày 15-12-2010.

Mẹ NGUYỄN THỊ TẮC



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1942
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT-CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Cẩn: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 01-1951; hy sinh tháng 01-1953, Bằng Tổ quốc ghi công XD 656-353TTg ngày 01-10-1959.



Mẹ LƯU THỊ TỐT



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2013
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212/QĐ-CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Xuân Miên: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 7-1965; hy sinh ngày 19-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công PA 110^b ngày 23-5-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ HẠNH



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT-CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Vạn: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 8-1946; hy sinh tháng 10-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số DX-251^{kp} ngày 30-11-1995.

Mẹ TRẦN THỊ UẨN



Năm sinh: 1880; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT-CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Tiến Soát (Nguyễn Đắc Đàn): Sinh năm 1927; nhập ngũ tháng 10-1949; hy sinh tháng 6-1951.



Mẹ NGUYỄN THỊ RÉ



Năm sinh: 1900; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1248/QĐ-CTN ngày 17-8-2012.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Vần: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1947; hy sinh năm 1952; Bằng Tổ quốc ghi công XT 454^{bp}/CL ngày 01-12-1959.

Mẹ LÊ THỊ CHỪNG



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mật: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 7-1966; hy sinh ngày 26-6-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ-258^b ngày 22-4-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chuật: Sinh năm 1953, nhập ngũ năm 1971; hy sinh năm 1975; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 950^b ngày 11-8-1976.

Mẹ ĐẶNG THỊ LỮ



Năm sinh: 1890; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Cổ: Sinh năm 1922; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1952; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 403^b ngày 19-12-1974.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Đình: Sinh năm 1930, nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1952; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 510^b ngày 28-01-1975.



Mẹ ĐỖ THỊ TƯỜNG



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An - huyện Kim Động - tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đắc Chấn: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1963; hy sinh tháng 7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 364^b ngày 20-4-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đắc Tấn: Sinh năm 1950, nhập ngũ tháng 7-1967; hy sinh tháng 01-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số BH-846^b ngày 07-3-1972.

Mẹ LÊ THỊ CHÂM



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Ý: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 10-1950; hy sinh năm 1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 267b ngày 02-01-1959.
2. Liệt sĩ Trần Văn Hậu: Sinh năm 1943, nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh tháng 6-1976; Bằng Tổ quốc ghi công số LM 667^b ngày 21-01-1975.

Mẹ TRẦN THỊ XOA



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đắc Vị: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 11-1952; hy sinh ngày 01-4-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 239b ngày 11-5-1960.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đắc (Tiến) Vũ: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 3-1967; hy sinh ngày 10-3-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 324 ngày 11-8-1976.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ THI



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đắc Ẩm: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1950; hy sinh tháng 10-1953, Bằng Tổ quốc ghi công XQ 4.538^{bp}/CL ngày 01-10-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ánh: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1951; hy sinh tháng 10-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số KC.654^{bp}/CL ngày 12-4-1973.

Mẹ LÊ THỊ LƯU



Năm sinh: 1927
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Ngọc Mộ: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1966; hy sinh tháng 12-1968, Bằng Tổ quốc ghi công RY 960/CL ngày 01-8-2003.
2. Liệt sĩ Phạm Ngọc Chiêu: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 7-1969; hy sinh tháng 8-1970; Bằng Tổ quốc ghi công LH 949^b ngày 18-5-1994.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHĨA



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.
Có 02 là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Hồng: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1959; hy sinh ngày 28-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công TM 904 ngày 23-12-1969.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Huê: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1966; hy sinh ngày 03-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công PT-147^b ngày 27-9-1975.



Mẹ NGUYỄN THỊ MÀU



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1959

Quê quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cung: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 06-8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GT 786^{bp} ngày 26-4-2005.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tý: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 12-1966; hy sinh tháng 6-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số NY 808^b ngày 15-10-1974.



* Chưa xác minh được thông tin



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ MAI ĐỘNG

Mẹ NGUYỄN THỊ BÍCH



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Đức Chiến: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 12-1967, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 28-03-1969; tại Tây Ninh, Bằng Tổ quốc ghi số gh 021^b.

Mẹ LÊ THỊ HÒA



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tạ Văn Hoan: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 05-1971; hy sinh ngày 16-3-1970, tại Mặt trận Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công RY 860^b.
2. Liệt sĩ Tạ Như Huân: Sinh năm 1957, đơn vị tại ngũ C1 D218 E14 F339; hy sinh ngày 21-5-1980, tại Bạc Liêu; Bằng Tổ quốc ghi công số 5AA-ZL 392^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ HÒA



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cộng: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 09-1965, đơn vị tại ngũ C213, E218, QK4; hy sinh ngày 30-01-1967, tại Cầu Hàm Rồng, Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số DM044^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hiển: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1966, đơn vị tại ngũ C292, Hòa Bình; hy sinh ngày 17-9-1965, tại Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 639^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ HÒI



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Sừng: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1968, đơn vị tại ngũ IVB; hy sinh ngày 03-02-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LĐ 924^{bm}.
2. Liệt sĩ Vũ Quang Diễn: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1960, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 21-04-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 442^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ MỸ



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1983.
Quê quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trương Văn Diện: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1966, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 12-6-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công TE 242^{bm}.
2. Liệt sĩ Trương Văn Tất: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 02-1968, đơn vị tại ngũ C20E88F708; hy sinh ngày 30-9-1972, tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số LG 638^{bm}.

Mẹ VŨ THỊ KHUYÊN



Năm sinh: 1921
Quê quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bắc: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 05-1967; hy sinh ngày 30-6-1972, tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công HA 521^{bm}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Hương: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 07-1969; hy sinh ngày 05-3-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 497^b.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NGHĨA DÂN

Mẹ LƯƠNG THỊ ÚT



Năm sinh: 1916; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vương Văn Lượng: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 10-1966; hy sinh tháng 28-11-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 795^b, ngày 7-5-1974.
2. Liệt sĩ Vương Văn Nghiệp: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 5-1970; hy sinh ngày 25-5-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 328^b ngày 11-8-1976.

Mẹ ĐÀO THỊ SỬU



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Công Gia: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1951; hy sinh tháng 18-10-1953, tại Văn Giang, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 251^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Đào Công Lũy: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm tháng 2-1961; hy sinh tháng 14-11-1964, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PI/442^{bm}/CL.

Mẹ PHẠM THỊ TÈO



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2013
Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Túc: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 09-1968; hy sinh ngày 12-05-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công LK 858^b.
2. Liệt sĩ Hoàng Thế Lực: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 05-1970; hy sinh tháng 28-09-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ND 995^b.



Mẹ HOÀNG THỊ TRUY



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Minh Chiêu: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1959; hy sinh tháng 04-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LK GT 814^{bm}.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Ngự: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1965; hy sinh tháng 10-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EM 087^{bm}.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẪU



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Bồng: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1970; hy sinh tháng 11-8-1973, tại Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số KM-884^c.
2. Liệt sĩ Hoàng Ngọc Ước: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1950; hy sinh tháng 02-1954, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 2CC-892^b.

Mẹ ĐÀO THỊ RÊU



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hoạch: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1953, đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh tháng 1-2-1954, tại Nghĩa Dân, Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HC/CP-01797 ngày 11-5-1960.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Hưng: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1965, đơn vị tại ngũ Trung đoàn 280 Phòng không-Không quân (Quân khu IV); hy sinh ngày 29-01-1968, tại Kim Hóa huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 583^b, ngày 28-11-1968.



Mẹ NGUYỄN THỊ VÒI



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1965

Quê quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Phong: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 5-7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 897^{bm}/CL-247/TTga ngày 18-5-1974.

2. Liệt sĩ Hoàng Văn Phê: Sinh năm 1951; nhập ngũ năm 1972; hy sinh ngày 11-12-1974, tại Hoài Ân, Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 227^{bm}/CL-277/TTga ngày 30-6-1976.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NGỌC THANH



Mẹ VŨ THỊ NGŨNG



Năm sinh:1906; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Trác Bút, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN, ngày 28-4-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cẩn; hy sinh ngày 10-2-1952 tại địa phương. Bằng Tổ quốc ghi công số AC 626°.

Mẹ NGUYỄN THỊ BẠN



Năm sinh:1913; năm từ trần: 2016
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN, ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Kế Đạt (Bạt): Sinh năm 1950; hy sinh 5-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 027b- 363 TTga ngày 10-7-1974.

Mẹ PHẠM THỊ SÁO



Năm sinh: *; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN, ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn (Văn) Xuân Nhậm: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 2-1960; hy sinh ngày 16-2-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 077^b, số 223 TTga ngày 05-6-1967.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ TUẤT



Năm sinh:* năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 841/KT/CTN, ngày 24-4-1996.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Phan Tuyên: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 7-1944; hy sinh ngày 4-9-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số 349/QĐ-TTg.
2. Liệt sĩ Nguyễn Phan Bồn: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 7-1967, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 10-9-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 242-TTga ngày 16-5-1974.

Mẹ TẠ THỊ TOÁN



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 841/QĐ-CTN, ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Đình Lân: Sinh năm 1921, đơn vị tại ngũ Văn phòng Ủy ban hành chính kháng chiến; hy sinh ngày 1-10-1950, tại Ngọc Thanh, Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 227°.

Mẹ ĐẶNG THỊ DỤC



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212/QĐ-CTN, ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đình Khuy: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 5-1952, đơn vị tại ngũ Đại đội 157, Trung đoàn 9, Quân khu Tả ngạn; hy sinh 6-03-1953, tại Nghĩa Xá, Hải Hậu, Nam Định; Bằng Tổ quốc ghi công số PC 122^b-164 TTga ngày 2-12-1965.



Mẹ NGUYỄN THỊ LƯỢT



Năm sinh: 1915; năm tử trần: 1951
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN, ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đình Thành: Sinh năm 1927, đơn vị tại ngũ Sư đoàn 304; hy sinh ngày 11-11-1952, tại Yên Bình, Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Mẹ ĐỖ THỊ CỬU



Năm sinh: 1927
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Mạnh Sơn: Sinh năm 1950; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LĐ 914^{bm} ngày 25-4-1974.
2. Liệt sĩ Đoàn Hồng Thủy: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 1972; hy sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LK 943^{bm} ngày 9-9-1974.

Mẹ ĐỖ THỊ NHẬT



Năm sinh: 1917; năm tử trần: 2002
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Trọng Hy: Sinh năm 1912, đơn vị tại ngũ Bí thư chi bộ Xã Ngọc Thanh; hy sinh ngày 11-7-1950, tại Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 105 Ttga ngày 11-5-1960.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Thị Hương: Sinh năm 1937, đơn vị tại ngũ đội viên du kích Xã; hy sinh ngày 1-4-1954 tại Ngọc Thanh, Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công số 241 TTg ngày 14-6-1972.



Mẹ NGUYỄN THỊ LIỄU



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đoàn Văn Thành: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 5-1968; hy sinh ngày 11-2-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LI 351^b ngày 24-6-1975.
2. Liệt sĩ Đoàn Đức Túy: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 28-6-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 107^b ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ THÀ



Năm sinh: 1918
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Độ: Sinh năm 1950; hy sinh tại Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 363^b, ngày 7-12-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Hoan: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1971, đơn vị tại ngũ Đại đội 3, Tiểu đoàn 6; hy sinh ngày 7-2-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 894^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ XIÊM



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Hữu Đoàn: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 26-12-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số 24-TTg, ngày 11-1-1974. Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 415^{bm}.
2. Liệt sĩ Trần Hữu Kết: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 25-6-1972 tại Long Khốt, Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số 364/TTg, ngày 10-7-1974. Bằng Tổ quốc ghi công số LB 758^{bm}.



Mẹ NGÔ THỊ THỎI



Năm sinh:1913; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Loạn: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 7-7-1967, đơn vị tại ngũ C 303 công trường 1; hy sinh ngày 19-1-1971. Bằng Tổ quốc ghi công số LH 778^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Hoan: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 28-6-1968, đơn vị tại ngũ E2D621; hy sinh ngày 9-8-1971 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số LĐ 661^b.

Mẹ TRẦN THỊ NGỌC



Năm sinh:1922; năm từ trần: 2016
Quê quán: Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2733/QĐ-CTN, ngày 27-10-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Nhân: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 2-1968; hy sinh ngày 27-7-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số YH 705^b ngày 13-5-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Xuân: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 7-1974, đơn vị tại ngũ Đại đội 10, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 66; hy sinh ngày 2-10-1978 tại Biên giới Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 8m-775^b ngày 25-6-1979.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NHÂN LA

Mẹ NGUYỄN THỊ NGĂM



Năm sinh: 1903; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522-KT/CTN, ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đình Sính: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 8-2-1951 tại Ân Thi, Kim Động.

Mẹ ĐÀO THỊ YẾT



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Chiêm: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1964; hy sinh ngày 10-3-1965 tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số Px 287^{bt}, QĐ 51 TTg ngày 12-5-1966.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đen, Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 29-10-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 818^b, 318 TTg ngày 5-8-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ TƯỐC



Năm sinh: 1886; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-2-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Gia Tường: Sinh năm 1907, đơn vị tại ngũ cán bộ Dân vận Huyện ủy huyện Ân Thi; hy sinh ngày 28-11-1953 tại Sông Đà; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 539 CP, QĐ 1111/QĐ-TTg ngày 7-10-2004.
2. Liệt sĩ Hoàng Gia Khánh: Sinh năm 1909; hy sinh tháng 3-1949 tại mặt trận phía Bắc (đường 5); Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 479^{kp}/CL/QĐ 424/TTg, ngày 22-7-2010.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHẠM NGŨ LÃO



Mẹ LÊ THỊ NHỎ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất liệt sĩ Lê Xuân Định : Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1966; hy sinh năm 10-06-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công KCL 164079 ngày 31-07-2003.

Mẹ TRẦN THỊ SẮN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thanh: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1963; hy sinh ngày 08-01-1968 tại Hàm Rồng, Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 940^b ngày 23-12-1968.

Mẹ TRẦN THỊ CHÓNG



Năm sinh: 1920, năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số QĐ 750 /QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Ngọc Lưu: Sinh năm 1942, nhập ngũ năm 1961; hy sinh ngày 01-01-1972 tại Miền đông Nam bộ. Bằng Tổ quốc ghi công số RY 884^{bm} ngày 11-08-1976.
2. Liệt sĩ Vũ Huy Chử: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 12-03-1970 tại miền đông Nam bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 305^{bm} ngày 18-05-1974.



Mẹ LƯU THỊ ÉT



Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đào Ngọc Tám: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1950, đơn vị tại ngũ Tỉnh đội tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 17-05-1951 tại Quốc lộ 39 tỉnh Hưng Yên, Bằng Tổ quốc ghi công số KC649^b ngày 01-10-1959.
2. Liệt sĩ Đào Ngọc Sế: Sinh năm 1931, đơn vị tại ngũ Huyện đội Kim Động; hy sinh ngày 28-03-1952 tại Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4627^b ngày 12-04-1973^b.

Mẹ LƯU THỊ QUỶ



Năm sinh: 1914
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-09-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Bùi Hồng Cờ: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 25-05-1972 tại Mặt trận Lào. Bằng Tổ quốc ghi công số MH 816^b ngày 29-04-1979.
2. Liệt sĩ Bùi Hồng Bờ: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 07-1967, đơn vị tại ngũ D2 E28 B3, hy sinh ngày 25-05-1972 tại thị Xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 528^b ngày 01-09-1973.

Mẹ NGÔ THỊ NHỚ



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Tuấn: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 14-09-1969 tại Miền đông Nam bộ. Bằng Tổ quốc ghi công số HY 487^b ngày 26-12-1973.
2. Liệt sĩ Trần Đức Nhung: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1965, hy sinh ngày 12-05-1970, Bằng Tổ quốc ghi công số LH 852^b.



Mẹ NGÔ THỊ TẦM



Năm sinh: 1875; năm từ trần: 1923
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Huy Lữ: Sinh năm 1914, nhập ngũ năm 1944; hy sinh ngày 06-09-1949 tại Gia Lâm, Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 1456^b ngày 02-11-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Huy Lộ: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 02-05-1949 tại Nho Quan, Ninh Bình. Bằng Tổ quốc ghi công số GG 398^{bp} ngày 13-01-1997.

Mẹ TRẦN THỊ ĐẬU



Năm sinh: 1932
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 253/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Ngô Văn Linh: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1970, hy sinh ngày 18-04-1974 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 391^b ngày 03-01-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Long: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 13-03-1971 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số CN 21^b ngày 14-07-1973.

Mẹ TRẦN THỊ THUỘC



Năm sinh: 1927; năm từ trần: 2002
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Chồng là liệt sĩ Phạm Văn Phệnh: Sinh năm 1918, nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 18-04-1949 tại Ân Thi, Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 058^{bp}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Duy Đàng: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1970, đơn vị tại ngũ Thừa Thiên Huế; hy sinh ngày 10-03-1975 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 299^{bm} ngày 03-07-1976.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHÚ THỊNH

Mẹ **ĐẶNG THỊ CÚI**



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1946
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841/QĐ-CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thanh Quang: Sinh năm 1939; nhập ngũ ngày 20-02-1961, đơn vị tại ngũ 9189 cục Quân Nhu; hy sinh ngày 15-6-1972, tại Quân Y viện 42 quân khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công LH 809 ngày 18-5-1974.

Mẹ **NGUYỄN THỊ CHẤP**



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1957
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841/QĐ-CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ An Đình Nhuận: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1966, đơn vị tại ngũ E1-QK2-B2; hy sinh ngày 11-6-1972, tại Ấp 6 Mỹ Long - Châu Thành - Mỹ Tho; Bằng Tổ quốc ghi công số 170/CL ngày 04-10-1974.

Mẹ **NGUYỄN THỊ TÍT**



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1954
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841/QĐ-CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tròn: Sinh năm 1952; nhập ngũ ngày 19-8-1971, đơn vị tại ngũ D1-KB; hy sinh ngày 10-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công BL 875.



Mẹ CHU THỊ TOÀN



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1951
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841/QĐ-CNT ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Kiềm: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4 -1965; hy sinh ngày 27-7-1971, tại Đường 9 Khe Sanh; Bằng Tổ quốc ghi công LH 747.

Mẹ NGUYỄN THỊ LÍT



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1966
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Tiến Trường: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 09-6-1970, đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 04-02-1972; Bằng Tổ quốc ghi công VH 680^{bm}/CL ngày 13-7-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bẩy: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 25-11-1971; Bằng Tổ quốc ghi công LL 028^{bm}, tháng 7 -1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ NUÔI



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1966
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CNT ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phú: Sinh năm 1933; nhập ngũ ngày 24-11-1951; hy sinh ngày 09-12-1952, tại Thiết Trụ - Khoái Châu, Bằng Tổ quốc ghi XQ 409^{bp} ngày 4-5-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hương: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 9-1966; hy sinh ngày 05-9-1952; Bằng Tổ quốc ghi công VH 496^{bm}.



Mẹ NGUYỄN THỊ TỎ



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1994
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Sâm: Sinh năm 1929, đơn vị tại ngũ C22; hy sinh ngày 16-3-1953, tại Đường 39 huyện Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công ZC 214^b ngày 23-4-1957.
2. Liệt sĩ Trần Văn Tít: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 3-3-1953, đơn vị tại ngũ C95.46; hy sinh: 3-7-1954, tại Hoàng Động - Hà Nam, Bằng Tổ quốc ghi XQ 2188^{bp}/CL ngày 01-6-1959.

Mẹ VŨ THỊ TÍT



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1983
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đà: Sinh năm 1934; hy sinh ngày 13-01-1971 tại Mặt Trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công HA-623^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Minh: Sinh năm 1941; nhập ngũ ngày 26-6-1968; hy sinh 12-8-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công RH 987^{bm}/CL, ngày 03-7-1970.

Mẹ NGUYỄN THỊ VÉN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1971
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Thế Vinh: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 08-1971, đơn vị tại ngũ C17-D6 KT; hy sinh ngày 25-01-1973; Bằng Tổ quốc ghi công OT 001^b ngày 25-02-1975.
2. Liệt sĩ: Nguyễn Bình Định: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970, đơn vị tại ngũ D5 KB; hy sinh ngày 04-4-1973; Bằng Tổ quốc ghi công OH 578^b ngày 22-11-1974.



Mẹ VƯƠNG THỊ NGỌC CHÂN (TRẦN)



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1950
Quê quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-09-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Kỳ; nhập ngũ ngày 17-8-1971, đơn vị tại ngũ C22 Khoái Châu; hy sinh ngày 25-7-1953, tại Dốc Lã - Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công XR 291^{bp}/CL ngày 02-11-1959
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mận: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 9-1965, đơn vị tại ngũ D70E275F367; hy sinh năm 1969, tại Chiến Trường B5; Bằng Tổ quốc ghi công ĐP 418^{bm} ngày 10-02-1998.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ SONG MAI

Mẹ NGUYỄN THỊ KHOA



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2015
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thục: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1967, hy sinh ngày 11-05-1970 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số ĐH 129^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHẢN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1957
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/KT-CTN ngày 22-08-1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hào Hùng: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1962; hy sinh ngày 08-09-1965 tại Mặt trận phía Nam.
2. Liệt sĩ Nguyễn Tiến Dũng: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 20-07-1969 tại Đồng Nai. Bằng Tổ quốc ghi công số Ua 992^b.

Mẹ TRẦN THỊ MÙI



Năm sinh: 1931; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212/KT-CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Lưu Văn Ban: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1969; hy sinh ngày 25-08-1971 tại Tây Ninh. Bằng Tổ quốc ghi công số RG 612^b.



Mẹ VŨ THỊ BÂU



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Anh Sang: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 03-08-1972, tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số GA 583^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Báo: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 03-09-1967 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 220^b.

Mẹ LÊ THỊ CHÂM



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Ngọc Chung: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 08-09-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 271^b.
2. Liệt sĩ Đào Nguyên Tuấn: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 17-11-1968 tại Lào. Bằng Tổ quốc ghi công số NM 294^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHIÊN



Năm sinh: 1912 ; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Tộ: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1962, đơn vị tại ngũ F324; hy sinh ngày 28-02-1968 tại Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 423^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hồ: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 22-05-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 901^b.



Mẹ ĐÀO THỊ LÂN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750 / QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Đóa: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 16-11-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 167^{bm}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hưng: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 01-05-1968 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số A 861^b.

Mẹ ĐÀO THỊ NHỜ



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750 / QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Khuynh: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 28-08-1947 tại Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1451^c.
2. Liệt sĩ Trần Văn Cội: Sinh năm 1934, hy sinh tháng 04-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 898^b.

Mẹ ĐÀO THỊ TÍNH



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750 / QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Thảo: Sinh năm 1944; hy sinh ngày 02-11-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NQ 0674^b.
2. Liệt sĩ Lê Văn Hiền: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 21-03-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 949^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ THẮNG



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Sảo: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 17-12-1952 tại Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 884^k.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khéo: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 25-03-1969 tại Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 077^b.

Mẹ ĐÀO THỊ THỜI



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1970
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định 750/QĐ-CTN ngày 02/4/2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Thụ: Sinh năm 1926, hy sinh ngày 07-05-1954 tại chợ Gạo, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 399^b.
2. Liệt sĩ Trần Văn Thiêm, Sinh năm 1922; hy sinh ngày 07-05-1954 tại Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 398^b.

Mẹ TRẦN THỊ THUYẾT



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đạn: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 23-02-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PG 223^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đà: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1968, hy sinh ngày 13-04-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RI 337^b.



Mẹ CAO THỊ TRÁCH



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1990

Quê quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Khiệu: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 15-08-1969 tại Mặt trận phía Nam, Bằng Tổ quốc ghi công số ML 993^b.

2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Rõng: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 05-04-1970 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số GB 201^b.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ THỌ VINH



Mẹ NGUYỄN THỊ TƯ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đoàn Ngọc Hoan: Sinh năm 1939; nhập ngũ 03-1964, đơn vị tại ngũ P2, ngày tháng năm hy sinh 18-11-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công VH 394^b, ngày 05-04-1977.

Mẹ TRƯƠNG THỊ QUẮNG



Sinh năm: 1906; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 831/KT-CTN ngày 24-02-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Chú: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 06-1968; hy sinh 04/03/1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công: EX 959^b, ngày 14-07-1973.

Mẹ VƯƠNG THỊ DY



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trương Huy Thuận: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 09-1966; hy sinh ngày 05-07-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công VL 123^b, ngày 15-04-1977.
2. Liệt sĩ Trương Huy Oanh: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 02-1971, đơn vị tại ngũ C4-D394 KT; hy sinh ngày 15-06-1972, tại Mặt trận phía nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 244^b ngày 02-07-1973.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ VŨ THỊ ĐƯA



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1934
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Gia Sinh: Sinh năm 1924; nhập ngũ 03/08/1949, đơn vị tại ngũ Lâm Kim Cương, ngày tháng năm hy sinh 25-08-1949; hy sinh Phan Tống Xá, Phù Cừ; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 4629^b/CL, ngày 01-10-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Xuân Tiến: Sinh năm 1931; nhập ngũ 1951, đơn vị tại ngũ: BTL 559, ngày tháng năm hy sinh: 10-01-1972; hy sinh Xiêng Khoảng (Lào); Bằng Tổ quốc ghi công LT 231, ngày 25-05-1974.

Mẹ PHẠM THỊ NHIỄM



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Gia Huỳnh: Sinh năm 1932; nhập ngũ 01-02-1950, đơn vị tại ngũ Quân khu Tả ngạn; hy sinh ngày 23-10-1952 tại Yên Khánh-Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 4586^b/CL, ngày 01-10-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Gia Thiệu: Sinh năm 1940; nhập ngũ ngày 17-01-1961, đơn vị tại ngũ Đồn Biên phòng 33; hy sinh ngày 05-12-1971, tại Nha Trang - Khánh Hòa; Bằng Tổ quốc ghi công UY 708^b, ngày 04-05-1977.

Mẹ LÊ THỊ NHU



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02/04/2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tạ Văn Chỉ: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 03-1965, đơn vị tại ngũ BT 51 - Binh đoàn 559; hy sinh ngày 28-11-1969, tại Trường sơn; Bằng Tổ quốc ghi công BK 122^b, ngày 27-01-1972.
2. Liệt sĩ Tạ Quang Thị: Sinh năm 1947; nhập ngũ 04/1966, đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 15-12-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công UY 739^b, ngày 05-04-1971.



Mẹ VƯƠNG THỊ TIỂU



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Gia Đức: Sinh năm 1946; nhập ngũ 09-1966, ngày tháng năm hy sinh 16-05-1972; hy sinh Mặt trận phía nam; Bằng Tổ quốc ghi công NL 146^b, ngày 10-07-1974.
2. Liệt sĩ Vũ Gia Hùng: Sinh năm 1953; nhập ngũ 05-1971; hy sinh 07-09-1972, tại Mặt trận phía nam; Bằng Tổ quốc ghi công GC 419^{bm}/CL, ngày 02-07-1973.

Mẹ BÙI THỊ THẬN



Sinh năm: 1926; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ

1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Vịnh: Sinh năm 1954; nhập ngũ năm 1971, đơn vị tại ngũ D9-E2-QK 9-KB; hy sinh ngày 27-04-1975, tại Tả Túc - Tường Thành - Ô Môn - Cần Thơ; Bằng Tổ quốc ghi công RN 204^{bm}/CL, ngày 09-07-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Quang: Sinh năm 1956; nhập ngũ năm 1978, đơn vị tại ngũ Đồn Biên phòng 33, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; hy sinh ngày 17-02-1979, tại Huyện Phong thổ, tỉnh Lai châu; Bằng Tổ quốc ghi công số 994^{bt}/CL ngày 16-07-1979.

Mẹ LÊ THỊ BIỂU



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2016
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN, ngày 06-09-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Gia Dân: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 12-1967, đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 1, trung đoàn 16, P2; hy sinh ngày 16-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công TE 230b, ngày 15-04-1977.
2. Liệt sĩ Vũ Gia Đồng: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 15/08/1969, đơn vị tại ngũ Đại đội 1, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 174; hy sinh ngày 01/04/1970, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công GC 244^b, ngày 02-07-1973.



Mẹ LÊ THỊ LƯỢC



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-09-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vương Toàn Biểu: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 9-1966, đơn vị tại ngũ BT 11, binh đoàn 559; hy sinh ngày 20-07-1969, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công MP 706^b, ngày 28-09-1970
2. Liệt sĩ Vương Toàn Nghĩa, sinh 1945; nhập ngũ 12-1966; hy sinh 26-07-1970, tại Đức Huệ, Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 471^{bm}/CL, ngày 05-04-1977.

Mẹ PHẠM THỊ TÝ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06/09/2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Chu Văn Tụ: Sinh năm 1932; nhập ngũ 11-11-1951, đơn vị tại ngũ C119; hy sinh ngày 02-07-1953, tại Khoái Châu, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công XQ 4649^b, ngày 01-10-1959
2. Liệt sĩ Chu Quang Định: Sinh năm 1944; nhập ngũ 07-1967, đơn vị tại ngũ KT; hy sinh ngày 03-12-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 937^b, ngày 01-12-1973.

Mẹ TÀO THỊ TÝ



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1966
Quê quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-09-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tạ Huy Đông: Sinh năm 1945; nhập ngũ 04-1966, đơn vị tại ngũ Sư đoàn 312; hy sinh 14-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 310^b.
2. Liệt sĩ Tạ Văn Hưng: Sinh năm 1948; nhập ngũ 04-1966, đơn vị tại ngũ: Tiểu đoàn 22 KĐ; hy sinh ngày 14-05-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 732^b.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TOÀN THẮNG



Mẹ NGUYỄN THỊ QUỐC



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 340/QĐ-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tường: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 16-2-1952, đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 4-6-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 985^b ngày 2-11-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ NÉM



Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1970
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 676/QĐ-CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lưu: Sinh năm 1929; nhập ngũ 6-6-1951, đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh tháng 2-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 191^b ngày 11-5-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHÍNH



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Lập: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 9-1966, đơn vị tại ngũ d8-KH; hy sinh ngày 22-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OI-066^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thành: Sinh năm 1960; nhập ngũ ngày 19-8-1978, đơn vị tại ngũ C6-D2-E111-BĐ.HG; hy sinh ngày 20-1-1979 tại núi Đỏ, Cam-pu-chi-a; Bằng Tổ quốc ghi công số 8J-262^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ HỒI



Năm sinh: 1931
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lương Bá Đích: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 5-1971, đơn vị tại ngũ C10-D9-KT; hy sinh ngày 20-10-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 275^{bm}/CL ngày 2-7-1973.
2. Liệt sĩ Lương Huỳnh Đáng: Sinh năm 1956; nhập ngũ tháng 10-1974, đơn vị tại ngũ C2-D4-K45; hy sinh ngày 22-3-1975 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 934^{bm}/CL.

Mẹ HOÀNG THỊ PHIN



Năm sinh: 1929
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Vi: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970, đơn vị tại ngũ d24-KB; hy sinh ngày 15-5-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LB-814^b ngày 10-7-1974.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Đình: Sinh năm 1958; nhập ngũ ngày 28-6-1977, đơn vị tại ngũ E2 Tây Ninh; hy sinh ngày 28-2-1978 tại Biên giới Tây Nam (Tây Ninh), Bằng Tổ quốc ghi công số 6T 897^b ngày 13-10-1978.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHĨ



Năm sinh: 1922; năm tử trần: 2013
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Văn Dụ: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 9-1966, đơn vị tại ngũ D86-KB; hy sinh ngày 19-5-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 143^b ngày 5-4-1977.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Tựa: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 8-1968, đơn vị tại ngũ P.3; hy sinh ngày 15-12-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI - 377^b ngày 14-6-1973.



Mẹ NGUYỄN THỊ LÁI



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Đắc Điềm: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 3-1963, đơn vị tại ngũ E249 Công binh; hy sinh ngày 31-3-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 833^b ngày 15-7-1969.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chấn: Sinh năm 1955; nhập ngũ tháng 4-1972, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 19-6-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RI 371^b ngày 3-7-1976.

Mẹ ĐỖ THỊ LẠ (NẠ)



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Tèo: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 2-6-1951, đơn vị tại ngũ E408; hy sinh tháng 7-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2186^{bp} ngày 1-6-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Kiên: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 7-1968, đơn vị tại ngũ C18 KB; hy sinh ngày 2-5-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 754^{bm}/CL ngày 10-7-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ TẠO



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Hội: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1960, đơn vị tại ngũ C1-KB; hy sinh ngày 16-8-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PK 244^{bm}/CL ngày 19-8-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Báu: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 20-9-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OĐ 011^{bm}/CL ngày 4-10-1974.



Mẹ VŨ THỊ VUI



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đặng Ngọc Chúc: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 10-1961, đơn vị tại ngũ Đoàn 8b; hy sinh ngày 1-6-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PN 331^b ngày 8-8-1969.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Khoát: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 7-1962, đơn vị tại ngũ K20 đặc công - Tây Nguyên; hy sinh ngày 30-10-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ON 989^b ngày 15-11-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ ÁI



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Chồng là liệt sĩ Lê Khắc Tiểu: Sinh năm 1903; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 14-3-1951 tại Toàn Thắng; Bằng Tổ quốc ghi công số EB 522^{cp}.

Có 1 con là liệt sĩ:

- Liệt sĩ Lê Khắc Đạc: Sinh năm 1933; nhập ngũ ngày 7-2-1951, đơn vị tại ngũ Bộ Tổng tư lệnh; hy sinh ngày 26-6-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số YZ 032^b ngày 8-12-1956.

Mẹ ĐỖ THỊ HỖ



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Đảm: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 3-1951; hy sinh tháng 4-1952 tại Toàn Thắng, Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 625^{kp} ngày 22-11-1997.
2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Thi: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1964; hy sinh ngày 26-6-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HB 399^{bm} ngày 18-8-2006.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHOÀNG



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tuất: Sinh năm 1927; nhập ngũ 3-6-1947; hy sinh ngày 6-8-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 493^{kp} ngày 7-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Quang Nhân: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1950, đơn vị tại ngũ E42; hy sinh tháng 12-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số GI 169^{bp} ngày 18-1-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHUYÊN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chác (Trác): Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 7-1949, đơn vị tại ngũ E66 F304; hy sinh ngày 11-10-1951 tại Kim Bảng, Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XK 950b ngày 1-12-1959.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Thế: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 6-1968, đơn vị tại ngũ Bình trạm 26; hy sinh ngày 21-3-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 098^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHIÊM



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Đình Doành: Sinh năm 1933; nhập ngũ ngày 27-2-1952, đơn vị tại ngũ CS-C30-E42; hy sinh ngày 19-10-1953 tại đường 39 Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2172b ngày 1-6-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Quỳnh: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1965, đơn vị tại ngũ E102 F308; hy sinh ngày 27-2-1972 tại Mặt trận phía Nam (Quân khu 7); Bằng Tổ quốc ghi công số GN 023^b.



Mẹ ĐỖ THỊ SÔNG



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Quang Bậu: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 1-1961, đơn vị tại ngũ Viện 46; hy sinh ngày 9-9-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MG 181^{bm}/CL ngày 27-3-1970.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mòi: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1965, đơn vị tại ngũ C16 E20 F367; hy sinh ngày 7-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 337^{bm}/CL ngày 8-8-1969.

Mẹ HOÀNG THỊ SIU



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đào Văn Nhật: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 8-1964, đơn vị tại ngũ C127; hy sinh ngày 10-3-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AR 196^b.
2. Liệt sĩ Đào Ngọc Nhuận: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 8-1969, đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 24-7-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TB 971^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ THANH



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Tang: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 6-1965, đơn vị tại ngũ E210; hy sinh ngày 12-5-1966 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 81-442^b ngày 01-6-1979.
2. Liệt sĩ Hoàng Tiến Tảng: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 7-1969, đơn vị tại ngũ C21 E7-Quân khu 7; hy sinh ngày 13-4-1981; Bằng Tổ quốc ghi công số 2AB-2436^b ngày 28-9-1982.



Mẹ NGUYỄN THỊ THIỀU



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Xuân Ngái: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 6-1968, đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 1-8-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 947^b.
2. Liệt sĩ Vũ Quang Xung: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 9-1966, đơn vị tại ngũ P1; hy sinh ngày 1-3-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RV 878^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ VUỐT



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Láng: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1961, đơn vị tại ngũ BN; hy sinh ngày 30-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 806^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Bính: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970, đơn vị tại ngũ d5-KB; hy sinh ngày 6-7-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 046^b.

Mẹ VŨ THỊ TÝ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tạ Thị Luận: Sinh năm 1948, đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh thủ đô; hy sinh ngày 19-12-1972 tại Từ Liêm, Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 548^k.
2. Liệt sĩ Tạ Duy Ứng: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 5-1971, đơn vị tại ngũ C2d9-KT; hy sinh ngày 24-8-1974 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DA-074^b.



Mẹ HOÀNG THỊ CHO



Năm sinh: 1929; năm từ trần: 2015
Quê quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định 2595/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Giáng: Sinh năm 1914; nhập ngũ ngày 7-6-1948; hy sinh ngày 01-12-1949 tại Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DX-914^{bp}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Tạ Văn Ngọt: Sinh năm 1960; nhập ngũ tháng 11-1978, đơn vị tại ngũ E42-F327; hy sinh ngày 4-3-1979; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D-759^b.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ VĨNH XÁ



Mẹ VƯƠNG THỊ RÉ



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2009
Quê quán: huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thỏa: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 01-1961; hy sinh ngày 12-03-1969 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số TB 185^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thích: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 05-1968, hy sinh ngày 28-12-1969 tại Mặt trận Quảng Trị. Bằng Tổ quốc ghi công số AU 900^b.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thanh: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 15-03-1947; hy sinh ngày 12-09-1954 tại tỉnh Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công 777^b.

Mẹ ĐÀO THỊ TÝ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Xuân Hạnh: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 06-1968, hy sinh ngày 16-6-1960, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công TE 483^{bm}/CL ngày 11-1-1977.

Mẹ PHẠM THỊ LỰ



Năm sinh: 1931; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 841 ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Khánh: Sinh năm 1932; nhập ngũ ngày 01-09-1952; hy sinh ngày 06-12-1953 tại Hải Dương.



Mẹ ĐẶNG THỊ MÃNG



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ-CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Chuyên: Sinh năm 1921; nhập ngũ ngày 05-02-1949; hy sinh ngày 29-10-1952 tại Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 61Q^{kp} ngày 22-11-1997.

Mẹ CAO THỊ VẬY



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 680/QĐ-CTN ngày 12-05-2009.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Cư: Sinh năm 1931; nhập ngũ ngày 07-01-1946; hy sinh tại Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công GG 402 ngày 07-10-2003.

Mẹ ĐÀO THỊ VĨNH



Năm sinh: 1908, Năm từ trần: 1942
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1248/QĐ-CTN ngày 17-08-2012.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Hiệp: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 08-02-1952; hy sinh ngày 12-11-1953 tại Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công GG 117^{bp} ngày 07-10-2003.



Mẹ NGUYỄN THỊ BÉ



Năm sinh: 1924
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Các: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh ngày 03-04-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 264^b ngày 02-07-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chấn: Sinh năm 1960; nhập ngũ tháng 08-1978, hy sinh ngày 18-01-1979 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 8T-084^b ngày 20-09-1979.

Mẹ ĐỖ THỊ IN



Năm sinh: 1908, Năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Xuân Ngờ: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 04-1968; hy sinh ngày 07-04-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 167^{bm}/CL ngày 22-07-2010.
2. Liệt sĩ Đào Ngọc Biển: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 01-09-1969 tại Biên Hòa; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 896^{bm}/CL ngày 11-08-1976.

Mẹ ĐÀO THỊ NỤ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Phẩm: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 03-1954; hy sinh ngày 09-12-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 3778^t ngày 24-12-1973.
2. Liệt sĩ Trần Văn Thiện: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 09-1966; hy sinh ngày 1-12-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 186^b ngày 03-06-1974.



Mẹ LÊ THỊ SỰC



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Chồng là liệt sĩ Lê Văn Chuyên: Sinh năm 1921; nhập ngũ ngày 05-02-1949; hy sinh tại Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐL 610^{kp}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đào Ngọc Lan: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1971; hy sinh ngày 28-06-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 005^b ngày 14-07-1973.

Mẹ HOÀNG THỊ LỮ



Năm sinh: 1923
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-09-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Văn Đước: Sinh năm 1937; nhập ngũ ngày 11-12-1953; hy sinh ngày 22-12-1953 tại Hưng Yên. Bằng Tổ quốc ghi công số XR 283b ngày 02-11-1959.
2. Liệt sĩ Đào Thanh Tiến: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 02-1966; hy sinh ngày 16-12-1968 tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 275^{bm}/CL ngày 22-07-2010.

Mẹ VŨ THỊ TUY



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-09-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Văn Doanh: Sinh năm 1934; nhập ngũ ngày 11-01-1953; hy sinh ngày 28-02-1953 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số XR 286^b ngày 02-11-1959.
2. Liệt sĩ Đào Mộng Hiền: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 08-1964; hy sinh ngày 04-04-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 869^b.



Mẹ VŨ THỊ NGẮN



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/KT-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Văn Cố: Sinh năm 1931; nhập ngũ ngày 07-05-1950; hy sinh ngày 10-12-1953 tại Tây Nam Ninh Bình. Bằng Tổ quốc ghi công số XC 121^{bp}.
2. Liệt sĩ Đào Văn Mắm: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 01-1952; hy sinh ngày 03-04-1953 tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công GG 119 ngày 07-10-2003.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ VŨ XÁ

Mẹ NGUYỄN THỊ LAN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1988

Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quyết định số 394/KT-CTN ngày 17-12-1994.

Có 3 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đặng Ngọc Tăng: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1950, đơn vị tại ngũ Quân Khu Tả Ngạn; hy sinh ngày 25-09-1951, Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1161^{bp}/CL ngày 01-06-1959.

2. Liệt sĩ Đặng Ngọc Hữu: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1964, đơn vị tại ngũ Bộ Tư Lệnh Quân Khu Tây Bắc; hy sinh ngày 18-01-1971. Bằng Tổ quốc ghi công số LH 721^b ngày 05-1974.

3. Liệt sĩ Đặng Ngọc Hữu: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 03-1967, đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 24-05-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 722^b ngày 07-05-1974.

Mẹ TRỊNH THỊ PHỤNG



Năm sinh: *; năm từ trần: 2008

Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định 394 KT/CTN, ngày 17-12-1994.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Cao Văn Chính: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 02-01-1972 tại Mặt trận phía Nam, Bằng Tổ quốc ghi công số VI 566/CL.

2. Liệt sĩ Cao Văn Nguyệt: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 06-1967; hy sinh ngày 30-04-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 005/CL.

Mẹ VŨ THỊ LƯỢT



Năm sinh: 1888; năm từ trần: 1965

Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522KT/CTN ngày 27-08-1995.

Con độc nhất là liệt sĩ Trần Quang Hợi: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 25-08-1945, đơn vị tại ngũ Công an Hà Nội; hy sinh ngày 21-02-1946 tại thành phố Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 008^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHÓN



Năm sinh:* ; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Ngọc Xuyên: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 26-04-1946, đơn vị tại ngũ Quân khu Tả Ngạn; hy sinh ngày 12-04-1952 tại tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số Q1318 ngày 01-06-1959.

Mẹ CAO THỊ TUỐC



Năm sinh: 1899; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 27-08-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Lồng: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 23-12-1952 tại Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 137 ngày 16-02-1978.

Mẹ VŨ THỊ Ý



Năm sinh:*; năm từ trần:*
Quê quán: thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thanh: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 04-1962, đơn vị tại ngũ D7.E20, hy sinh ngày 07-04-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 239^b.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ TRẦN THỊ DIỆN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 680/QĐ-CTN ngày 12-05-2009.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Bạo: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1948; hy sinh ngày 18-05-1954 tại Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ 135 ngày 29-08-2001.

Mẹ HOÀNG THỊ NỀN



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Phong: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1952, đơn vị tại ngũ 831.814TQ 90; hy sinh ngày 24-11-1970 tại Mặt trận phía Nam, Bằng Tổ quốc ghi công số LH 900bm/CL ngày 18-05-1974.
2. Liệt sĩ Phạm Xuân Nhường, sinh ngày 13-06-1953; nhập ngũ ngày 25-12-1970, đơn vị tại ngũ C3 D394 E95; hy sinh ngày 14-07-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 395^{bm}/CL ngày 02-07-1073.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHAM



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2003
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Thạnh: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 12-1966, đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 10-08-1972 tại Mặt trận phía Nam.
2. Liệt sĩ Trần Văn Ba: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 8-1969, đơn vị tại ngũ PG; hy sinh ngày 05-03-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 176^b ngày 19-01-1977.



Mẹ TRẦN THỊ BÁCH



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1949
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Quang Tâm: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1966; hy sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam. Bằng Tổ quốc ghi công số VI 480b ngày 05-04-1977.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Tạ: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1967; hy sinh năm 1968 tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số EY 356^{cm} ngày 05-04-1977.



